TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2020/DS-ST.
Ngày: 13/4/2020.
V/v*: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Xuân Vương

2. Ông Trương Văn Hòa

***- Thư ký phiên tòa*:** Anh Phạm Thái Học - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2018/TLST- DS ngày 20 tháng 3 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ T K C, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: số 142, tổ 12, ấp S, xã XĐ, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn V T, sinh năm 1967

Bà Vũ T P, sinh năm 1973

Cùng nơi cư trú: tổ 12, ấp S, xã XĐ, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông T V Đ, sinh năm 1967.

Nơi cư trú: số 142, tổ 12, ấp S, xã X Đ, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Ông Đ ủy quyền cho bà Võ T K C, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: số 142, tổ 12, ấp S, xã X Đ, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. (Văn bản ủy quyền lập ngày 06/4/2018 được Chứng thực tại UBND xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai; số chứng 130, quyển số 01/SCT/CK,CĐ).

4. *Người làm chứng:* Chị Ph T T, sinh năm 1977

Nơi cư trú: ấp S N, xã X Đ, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

(Ông Th, bà Ph vắng mặt; Bà C, ông Đ, chị T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tường trình nguyên đơn - bà Võ T K Cg trình bày:*

Bà C buôn bán gạo và bắp tại khu vực ấp S, xã X Đ, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai, trong thời gian từ ngày 23/8/2017 (Âm lịch) đến ngày 02/10/2017 (Âm lịch); vợ chồng ông Th, bà Ph nhiều lần mua gạo và bắp, họ gọi điện thoại thì bà ghi lại loại hàng hóa, số lượng và số tiền trong sổ bán hàng và nói bằng miệng cho họ biết rồi giao hàng tận nhà. Tổng số tiền nợ là 20.938.000 đồng, đến ngày 02/10/2017 (Âm lịch) bà Ph có trả được số tiền 8.000.000 đồng và có ghi vào giấy chốt nợ "còn nợ 12.938.000 đồng", bà đã nhiều lần đến nhà đòi nợ nhưng ông Th, bà Ph không trả nợ và xảy ra xô xát giữa hai bên.

Nay bà yêu cầu ông Th, bà Ph phải trả số tiền còn nợ là 12.938.000 đồng, ngoài ra bà không còn yêu cầu nào khác.

**Trong quá trình giải quyết vụ án,bị đơn là ông Nguyễn V T và bà Vũ T Ph không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.*

**Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần V Đ trình bày:*

Ông là chồng bà C; trong quá trình mua bán bắp, gạo thì ông Th, bà Ph thanh toán sòng phẳng nhưng những lần sau thì không chịu trả tiền còn có những lời lẽ thô tục, hành hung đánh người. Ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Phương, ngoài ra ông không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

**Tại bản tự khai người làm chứng là chị Phạm Thị Tâm trình bày:*

Ngày 10/02/2018, bà C rủ chị đi chơi và cùng đến nhà bà Ph, chị có chứng kiến giữa bà C và bà Ph có lớn tiếng với nhau về việc bà Ph nợ số tiền mua gạo, bắp của bà C khoảng hơn 12.000.000 đồng, bà Ph nói trả tiền hàng tháng nhưng bà C không chịu, bà Ph đánh bà C, bà C bỏ chạy ra ngoài, sau đó Công an xã X Đ có mời các bên lên làm việc.

Các tài liệu, chứng cứ thu thập được:

+ Những tài liệu, chứng cứ bà Cương đã cung cấp cho Tòa án: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, bản tự khai, đơn yêu cầu, Giấy chứng nhận kết hôn, giấy tay

+ Những tài liệu, chứng cứ ông Đông đã cung cấp cho Tòa án: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, bản tự khai, Giấy ủy quyền.

+ Những tài liệu, chứng cứ bị đơn cung cấp cho Tòa án: Không

+ Những tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được: Biên bản lấy lời khai, Biên bản xác minh, Biên bản ghi lời khai.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành, do ông Th, bà P vắng mặt không có lý do dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

** Tại phiên tòa hôm nay:*

Vì nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng có đơn xin vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần hai mà vẫn vắng mặt nên không có lời khai, Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của đương sự đề nghị Hội đồng

xét xử xét xử vắng mặt, tóm tắt nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử thảo luận những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, riêng việc nhận đơn và thụ lý đơn khởi kiện có vi phạm thời hạn tại Điều 191 BLTTHS, Tòa án ra Quyết định tạm đình chỉ số 46/2018/QĐST – DS ngày 20/9/2018 yêu cầu Công an xã X Đ cung cấp thông tin nơi cư trú là không cần thiết vì trước đó Tòa án đã tiến hành xác minh và có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người làm chứng đã chấp hành pháp luật, bị đơn không chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Về đường lối giải quyết: Nguyên đơn cung cấp cho Tòa án giấy nhận nợ của bị đơn, đồng thời yêu cầu giám định chứ viết của bị đơn tại giấy nhận nợ. Tuy nhiên do không cung cấp được chữ viết của bị đơn để làm mẫu giám định nên nguyên đơn đã xin rút yêu cầu giám định

Về phía bị đơn, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết công khai tại địa phương các văn bản tố tụng. Đồng thời, cũng xác minh tại Công an xã X Đ thì hiện nay bị đơn đang sinh sống tại địa phương. Nhưng bị đơn không lên làm việc, cũng như có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tuy nhiên, tại các biên bản ghi lời khai của chị Ph mà Công an xã X Đ cung cấp cho Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ trong đó chị Ph khai rằng: " Khoảng tháng 08/2017 tôi có mua của chị C khoản 02 tấn bắp, với giá khoảng hơn 8.000.000 đồng, khoảng hơn 3 ngày sau chị C lại tính với tôi số bắp mềm với giá khoảng 12 triệu đồng và tôi hứa 1, 2 ngày sau sẽ trả…". Như vậy, trong lời khai của chị Ph thể hiện được việc hai bên có mua bán bắp với nhau và chị Ph có nợ tiền của nguyên đơn chưa trả tại thời điểm lấy lời khai.

Đồng thời, tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng Phạm Th T: Chị T khẳng định sau khi theo bà C và nhà chị Ph thì chị mới biết là bà C đi đòi nợ, số tiền khoảng hơn 12 triệu đồng, theo đó chị Ph nói sẽ mỗi tháng trả 01 triệu đồng đến khi hết nợ, nhưng bà C không đồng ý nên hai bên xay ra cãi vã và xô xát. Phù hợp với lời khai của chị Ph tại biên bản lấy lời khai của Công an xã X Đ. Như vậy, việc chị Ph đồng ý sẽ trả cho chị C 1.000.000 đồng/ tháng cho thấy chị Ph có nợ chị C.

Bởi những lẽ trên, nhận thấy đủ căn cứ chứng minh việc bị đơn có nợ nguyên đơn số tiền 12.938.000 đồng (Mười hai triệu, chín trăm ba tám nghìn đồng). Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chị Ph phải trả số tiền 12.938.000 đồng (Mười hai triệu, chín trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu anh Th và chị Ph liên đới trả số tiền nêu trên. Do Tòa án đã xác minh làm rõ anh Th và chị Ph hiện đang là vợ

chồng hợp pháp, nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu anh Th và chị Ph liên đới trả nguyên đơn số tiền 12.938.000 đồng (Mười hai triệu, chín trăm ba mươi tám nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Võ T K C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn V Th, bà Vũ T Ph phải trả nợ tiền mua nông sản. Ông Nguyễn V T, bà Vũ T Ph có nơi cư trú tại ấp S, xã X, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đối với ông Nguyễn V Th, bà Vũ T P nhưng ông Nguyễn V T, bà Vũ T Ph vắng mặt không có lý do; ông Đ, bà C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

Giữa bà Võ T K C và ông Nguyễn V Th, bà Vũ T P có quan hệ mua bán tài sản cùng nhau. Chứng cứ để khởi kiện của bà C là 01 Giấy chốt nợ có dòng chữ "còn nợ 12.938.000 đồng", bà C cho rằng dòng chữ trên là của bà Ph viết ra và có yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết; Tòa án đã yêu cầu các đương sự cung cấp mẫu để giám định nhưng không thu thập được nên không thể giám định.

Tại biên bản lấy lời khai tại Công an xã X Đ ngày 06/11/2018 (BL 73) thì bà Ph có thừa nhận nợ tiền mua bán bắp khoảng hơn 12.000.000 đồng và sẽ trả nợ hàng tháng là 1.000.000 đồng nhưng bà C không chịu nên xảy ra xô xát, sự việc bà Ph thừa nhận cũng phù hợp với biên bản lấy lời khai của người làm chứng là chị Phạm Th T tại Công an xã X Đ ngày 20/12/2018 (BL 74).

Tòa án triệu tập ông Th, bà Ph đến làm việc nhiều lần nhưng ông bà vắng mặt không có lý do; Tòa án đã tiến hành tố đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong đó có Giấy chốt nợ (BL 38) cho ông Th, bà Ph nhưng ông Th, bà Ph không có ý kiến, không phản đối nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đây là nghĩa vụ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nhằm đáp ứng nhu cầu trong gia đình nên ông Th phải có nghĩa vụ chung cùng chịu trách nhiệm với bà Ph trả nợ theo quy định tại Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của bà Võ T K C là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà Võ T K C được chấp nhận nên ông Nguyễn V Th, bà Vũ T Ph phải nộp phí dân sự sơ thẩm.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ: Về những kiến nghị về thủ tụng tố tụng là đúng, tuy nhiên vi phạm này là của Thẩm phán trước được phân công giải quyết nên không thể khắc phục được. Về nội dung vụ án thì quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 357; Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ T K C.

1. Buộc ông Nguyễn V Th, bà Vũ T Ph có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Võ T K C, ông Trần V Đ số tiền nợ là 12.938.000 *(Mười hai triệu chín trăm ba mươi tám ngàn)* đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1 Bà Võ T K C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại cho bà C số tiền 323.000 *(Ba trăm hai mươi ba ngàn)* đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 004155 ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

2.2 Ông Nguyễn V Th, bà Vũ Th Ph liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 646.900 *(Sáu trăm bốn mươi sáu ngàn chín trăm)* đồng.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- THADS huyện Cẩm Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Trường